

Đề kiểm tra học kì I 2018 – 2019
Môn: Địa lí 12

Mã: 02

- Câu 1:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, tỉnh có số lượng đàn gia cầm lớn nhất ở vùng ĐBSH là
A. Nam Định. B. Hà Nội. C. Hải Dương. D. Hải Phòng.
- Câu 2:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết loại cây công nghiệp nào sau đây không phải là sản phẩm chuyên môn hóa của TD&MN Bắc Bộ?
A. Đậu tương. B. Bông. C. Điều. D. Thuốc lá.
- Câu 3:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, hai tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác (năm 2007) cao nhất nước ta là
A. Bình Thuận và Bình Định. B. Kiên Giang và Cà Mau.
C. Kiên Giang và Bà Rịa – Vũng Tàu. D. Cà Mau và Bình Thuận.
- Câu 4:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây không thuộc vùng Bắc Trung Bộ?
A. Cầu treo. B. Lao Bảo. C. Bờ Y. D. Cha Lo.
- Câu 5:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết hai đô thị nào sau đây ở vùng đồng bằng sông Hồng có quy mô dân số (năm 2007) dưới 100 000 người?
A. Hải Dương và Thái Bình. B. Hưng Yên và Bắc Ninh.
C. Hưng Yên và Phủ Lý. D. Hà Đông và Vĩnh Yên.
- Câu 6:** Vùng đồng bằng có lịch sử khai thác lâu đời nhất ở nước ta là
A. ĐBSH. B. Đồng bằng Thanh Hóa. C. Đồng bằng Bình – Trị - Thiên. D. ĐBSCL.
- Câu 7:** Hệ sinh thái rừng ngập mặn điển hình nhất của nước ta hiện nay tập trung chủ yếu ở.
A. Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Nam Bộ.
- Câu 8:** Mưa phùn vào nửa cuối mùa đông là kiểu thời tiết đặc trưng của khu vực
A. Tây Bắc. B. Bắc Trung Bộ. C. Đông Bắc. D. Nam Trung Bộ.
- Câu 9:** Vùng chuyên canh cây cao su lớn nhất ở nước ta hiện nay là.
A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ. C. TD & MN Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.
- Câu 10:** Nhân tố chính tạo ra sự chuyển dịch mùa vụ từ Nam ra Bắc, từ đồng bằng lên trung du, miền núi là
A. Địa hình. B. Khí hậu. C. Đất đai. D. Nguồn nước.
- Câu 11:** Vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất nước ta là
A. ĐBSH. B. Đông Nam Bộ. C. ĐBSCL. D. Bắc Trung Bộ.
- Câu 12:** Ở nước ta, tỉ lệ thiếu việc làm tương đối cao là ở khu vực.
A. Đồng bằng. B. Nông thôn. C. Thành thị. D. Miền núi.
- Câu 13:** Vùng có giá trị sản xuất công nghiệp đứng đầu cả nước hiện nay là
A. ĐBSH. B. DHMT. C. Đông Nam Bộ. D. ĐBSCL.
- Câu 14:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết tính đến năm 2007, nước ta có những đô thị loại đặc biệt nào?
A. Hải Phòng và Đà Nẵng. B. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.
C. Cần thơ và Hạ Long. D. Thủ Dầu Một và Cà Mau.
- Câu 15:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô (năm 2007) lớn nhất vùng TD&MN Bắc Bộ?
A. Thái Nguyên. B. Việt Trì. C. Hạ Long. D. Cẩm phả.
- Câu 16:** Đảo nào sau đây không nằm trong vùng vịnh Bắc Bộ của nước ta?
A. Đảo Vĩnh Thực. B. Đảo Cát Bà.
C. Đảo Lý Sơn. D. Đảo Cái Bàu.
- Câu 17:** Tài nguyên thiên nhiên hàng đầu ở vùng KTT Đ phía Nam là
A. Du lịch biển. B. Thủy Sản.
C. Dầu mỏ và khí đốt. D. Đất đỏ badan và đất xám.

A. Dịch vụ. B. Công nghiệp.
C. Xây dựng. D. Nông – lâm – thủy sản.

Câu 19: Bộ phận được coi như phần lãnh thổ trên đất liền của nước ta là vùng

A. Nội thủy. B. Đặc quyền kinh tế.
C. Lãnh hải. D. Tiếp giáp lãnh thổ.

Câu 21: Ở Việt Nam hiện nay, thành phần giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế là

A. Kinh tế Nhà nước. B. Kinh tế ngoài Nhà nước.

C. Kinh tế cá thể. D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

A. Có địa hình cao nhất cả nước
B. Có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc – Đông Nam
C. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích .
D. Gồm các dãy núi song song và so le chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam

A. Hòa Bình, Trĩ An, Đa Nhim, Hàm Thuận.
B. Hòa Bình, Thác Bà, Yaly, Trĩ An.
C. Sơn La, Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang.
D. Hòa Bình, Hàm Thuận, Thác Bà, Yaly.

Năm	1996	2005
Lao động đã qua đào tạo	12.3	25.0
Lao động chưa qua đào tạo	87.7	75

A. Lao động qua đào tạo ngày càng giảm và chiếm tỉ lệ nhỏ.
B. Lao động qua đào tạo ngày càng tăng và chiếm tỉ lệ lớn.
D. Lao động chưa qua đào tạo ngày càng giảm nhưng chậm và chiếm tỉ lệ nhỏ. .
C. Lao động qua đào tạo ngày càng tăng nhưng vẫn còn chậm.

Năm	1990	1995	2000	2005
Trồng trọt	79.3	78.1	78.2	73.5
Chăn nuôi	17.9	18.9	19.3	24.7
Dịch vụ nông nghiệp	2.8	3.0	2.5	1.8

A. Hình cột. B. Hình tròn. C. Miền. D. Kết hợp.

[illegible]